

## THÔNG TIN VỀ DI TÍCH KHU MỘ TỘC NGUYỄN Ở KHỐI AN BANG, PHƯỜNG THANH HÀ

Nguyễn Cường

Nằm trong khu vực dự án quy hoạch cụm Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Thanh Hà ở khối An Bang, phường Thanh Hà hiện có một cụm ngôi mộ cổ có giá trị về lịch sử, văn hóa và kiến trúc được chính quyền thành phố Hội An quan tâm giữ lại và ghi vào danh mục di tích bảo vệ vào đầu năm 2018, đó là khu mộ tộc Nguyễn. Khu mộ này hiện có 01 mộ đơn và 01 mộ đôi nằm cạnh nhau. Theo nội dung bia mộ cho biết, chủ nhân các ngôi mộ này là người của tộc Nguyễn, thuộc làng Minh Hương ở Hội An xưa, có nguyên gốc ở tỉnh Phước Kiến (Trung Quốc).

Nhìn lại diễn trình lịch sử của Hội An cho thấy vào cuối thế kỷ thứ XVI, do nhiều nguyên nhân về khách quan và chủ quan đã dẫn đến một làn di cư lớn của thương nhân người Hoa đến xứ Quảng - Đàng Trong mà chủ yếu tập trung ở Hội An lúc bấy giờ là một Đô thị - thương cảng quốc tế để hoạt động thương mại. Sang đầu thế kỷ XVII, triều đình nhà Minh (*Trung Quốc*) đến giai đoạn suy tàn. Các bộ tộc Mãn Châu nhân đó tiến vào Trung Nguyên gây ra các cuộc chiến tranh xâm lược. Trước tình cảnh này, nhiều quan lại và thần dân mà chủ yếu là thương nhân, thợ thủ công và nông dân ồ ạt xuống phương Nam để tìm nơi lánh nạn, làm ăn, trong đó có Hội An vốn đã có người Hoa cư trú. Đến Hội An, nhiều người quyết



định lưu trú vĩnh viễn tại đây và được Chúa Nguyễn cho phép, họ được lập làng, cư trú ổn định như những làng xã, thần dân của Chúa. Điều này đã dẫn đến sự hình thành của xã Minh Hương ở Hội An vào khoảng giữa thế kỷ XVII. Sau này còn có một số đợt di cư khác của người Hoa đến Hội An và sau những đợt di dân đó đã có thêm nhiều người Hoa gia nhập vào xã Minh Hương. Vì thế, xã Minh Hương là một cộng đồng gồm nhiều tộc họ.

Đối với tộc Nguyễn, hiện chúng tôi chưa có tư liệu xác định chính xác thời gian tộc này đến Hội An. Tuy nhiên qua một số tư liệu có được cũng cho phép phần nào hình dung về tộc này trong lịch sử. Theo sổ đình của xã Minh Hương năm 1788, xã Minh Hương lúc bấy giờ có 83 tộc, trong đó có tộc Nguyễn. Tổng số người của tộc này lúc đó là 23 người. So với rất nhiều tộc khác thì đây là một trong những tộc của Minh Hương xã có số lượng người

lớn. Xem bản phổ hệ chép tay chữ quốc ngữ năm 1958 hiện đang được họ Nguyễn lưu giữ cho biết họ này quê gốc ở phủ Tuyên Châu, tỉnh Phước Kiến, Trung Quốc. Trước khi di cư đến Hội An, tộc này từng có nhiều người ra nước ngoài làm nghề thuốc, buôn bán. Theo văn bia các ngôi mộ cho biết, 02 ngôi mộ này được trùng tu cùng thời gian là vào năm Tự Đức thứ 17 (năm 1864) thì có thể thấy thời gian mất của các chủ nhân sẽ là sớm hơn năm 1864 bởi mốc thời gian này là năm trùng tu lại ngôi mộ.

Nội dung văn bia trên ngôi mộ đơn có ghi: “Hiển khảo thế y Khánh Thiện đường Nguyễn lão ông giai thành”. Như vậy chủ nhân ngôi mộ là nam giới, thuộc họ



Nguyễn, làm nghề y, có hiệu thuốc tên là Khánh Đường. Dòng lạc khoản bên phải bia mộ có ghi con trai trưởng của người này là Duy Đức, con trai kế có Tú tài Duy Trinh, Duy Hóa, đích tôn có tên Chân, Hưng. Nội dung văn bia trên ngôi mộ đôi ghi: “Khảo tự Tích Thiện Nguyễn thọ ông, Tỉ hiệu Thành Phạm Lê từ thị” cho biết chủ nhân là cặp vợ chồng: ông họ Nguyễn, tên hiệu là Tích Thiện, vợ họ Lê, tên hiệu là Thành Phạm. Dòng lạc khoản bên trái bia mộ ghi con trai đứng lập bia có Chân, Hưng. Đối chiếu với phổ hệ tộc Nguyễn cho biết chủ nhân ngôi mộ đơn thuộc thế hệ thứ năm có tên là Nguyễn Chiêu Điền, hiệu Khánh Thiện, vợ là bà

Nguyễn Thị Sính. Ông này sinh hạ ra ông Nguyễn Duy Đức (thế hệ thứ sáu), có hiệu là Tích Thiện, vợ là bà Lê Thị Thu. Ông Nguyễn Duy Đức sinh hạ (thế hệ thứ bảy) 04 người con trai và 05 người con gái, trong số 04 người con trai có các ông Nguyễn Tấn Hưng và Nguyễn Tấn Chân. Như vậy có thể biết được chủ nhân ngôi mộ đơn là cha của cặp vợ chồng là chủ nhân ngôi mộ đôi, danh tánh cụ thể của những người này cũng đã khá rõ. Một thông tin khác nữa là trong phổ hệ của tộc Nguyễn không

ghi chép về ông Nguyễn Duy Trinh. Tuy nhiên trong bảng Phổ đồ Hương hiền của Tự Tiên Đường Minh Hương được ghi chép vào năm Tự Đức thứ 33 (năm 1880) có ghi

Hương quan Tú tài Nguyễn Duy Trinh đỗ khoa Đinh Mùi (có lẽ là năm 1847).

Hai ngôi mộ này cùng xoay mặt về hướng Tây Nam, lệch Nam. Mộ đơn nằm bên trái, mộ đôi nằm bên phải (nhìn từ mặt tiền vào). Các ngôi mộ có hình thức kiến trúc giống nhau, đều được xây bằng gạch thẻ và vữa vôi hợp chất. Hiện trạng kiến trúc 02 ngôi mộ đã bị hư hại một số vị trí nhưng tổng thể công trình vẫn còn khá hoàn chỉnh cho thấy sự quy mô và giá trị nghệ thuật đặc sắc của khu mộ này. Phía sau lệch về bên trái còn có một nhà Hậu thổ nhỏ.



Mộ đơn: Kiến trúc ngôi mộ gồm có ngai, thành bao, bia, nắm mộ và bình phong hậu với tổng diện tích khoảng 35m<sup>2</sup> (5 x 7m). Ngai mộ làm đối xứng hai bên tạo nên một khoảng sân phía trước bia mộ. Thành ngai là sự kết hợp giữa các cạnh thẳng với các trụ xây tiết diện vuông. Mặt ngoài hai mảng tường phía trước đắp nổi mỗi bên một chữ Thọ tròn. Hai mảng tường bên xây tạo dáng bình phong hình cuốn thư. Hai cạnh trong xây nổi với hai trụ vuông lớn. Hai trụ này có kích thước 0,44 x 0,44 x 0,96m (dài x rộng x cao), cách nhau 0,92m tạo nên lõi vào thứ hai của ngôi mộ; cách bia mộ khoảng 0,35m; đồng thời nổi với thành mộ tạo khuôn viên khép kín bảo vệ nắm mộ. Thành mộ xây cao 0,75m, dày 0,36m, dài khoảng hơn 4m, trong đó đoạn tường thẳng dài 3,8m, hai đầu vát cong. Mặt trong tường đắp đôi các đường chỉ thẳng tạo nên những ô vuông trang trí. Đoạn tường phía sau xây cao hơn tạo dáng bình phong hình cuốn thư, hai bên tạo dáng hai trụ biểu tròn. Mặt trên đoạn tường cong ở hai bên bình phong gắn chi tiết trang trí hình mây cuộn tạo thêm sự mềm mại. Nắm mộ xây hình chữ nhật có kích thước: 2,03 x 0,76 x 0,25m (dài x rộng x cao). Xung quanh nắm mộ làm nền rộng cách nắm mộ 0,2m đều về các cạnh. Bia mộ làm bằng

đá loại cẩm thạch, có kích thước 1,3 x 0,85m (dài x rộng) và được đặt trên đế bia bằng đá làm kiểu chân quỳ. Xung quanh bia có bao bia. Bao bia hai bên, mỗi bên rộng 0,19m, trên thân chạm nổi hình cúc dây. Phần bao bia phía trên làm khá cầu kỳ: hai bên giạt cao tạo hình trụ tròn; mặt trên làm cong chạm nổi hình chữ Thọ tròn, 4 góc hình dây lá; chính giữa mặt trước chạm nổi cách điệu đề tài “song long châu nhật”, hai bên hình hồi văn. Riêng lòng bia có kích thước 0,8 x 0,47m, khắc chữ Hán sơn màu đỏ:

Nguyên văn: 明江 . 嗣德拾柒年甲子仲秋穀旦重修 . 顯考世醫慶善堂阮老翁佳城 (Phiên âm: Minh Giang. Tự Đức thập thất niên Giáp Tý trọng thu cốc đán trùng tu. Hiển khảo thế y Khánh Thiện đường Nguyễn lão ông giai thành). Dòng lạc khoản bên trái đề tên con, cháu đứng lập bia.

Phía sau cách ngôi mộ khoảng 0,8m là bình phong hậu. Bình phong làm kiểu vòng cung, cao ở giữa và thấp dần về hai bên. Phần chính giữa rộng 2,5m, cao 1,4m, dày 0,35m. Mỗi cạnh bên dài 2m, ngoài cùng làm trụ tròn có đường kính 0,55m. Mép ngoài bình phong cách tường thành mộ khoảng 1,33m.





Mộ đôi: Mộ này cách mộ đơn khoảng 1m về phía bên phải. Hình thức kiến trúc của ngôi mộ này giống với mộ đơn nhưng quy mô lớn hơn (tham khảo thêm bản vẽ mặt bằng hiện trạng khu mộ), bao gồm: ngai, thành bao, bia, nắm mộ và bình phong hậu với diện tích mộ khoảng 90m<sup>2</sup> (10 x 9m). Hiện trạng phần ngai bên trái còn nguyên vẹn nhưng phần bên phải đã bị hư hỏng hoàn toàn. Trong thành mộ có 02 nắm mộ. Phía trước nắm mộ là bia mộ. Bia mộ được làm bằng đá loại cẩm thạch, có kích thước 1,16 x 0,97m và được đặt trên đế bia bằng đá kiểu chân quỳ. Xung quanh lòng bia có bao bia. Bao bia hai bên, mỗi bên rộng 0,16m chạm nổi hình cúc dây. Bao bia phía trên vát góc, rộng 0,16m chạm nổi đề tài mai, lan, cúc, trúc. Lòng bia có kích thước 1,03 x 0,65m (dài x rộng), xung quanh lòng bia trang trí thêm viền bia rộng 0,05m chạm nổi hồi văn, phần phía trên lòng bia còn trang trí hình cúc dây rủ xuống hai bên đến nửa trên lòng bia. Mặt bia khắc chữ Hán:

Nguyên văn: 大南 . 嗣德拾柒年甲子仲夏穀旦 . 明鄉老顯, 妣號成範黎慈氏, 考字積善阮 .

翁, 墓 (Phiên âm: Đại Nam. Tư Đức thập thất niên Giáp Tý trọng hạ cốc đán. Minh Hương lão hiển, Tỉ hiệu Thành Phạm Lê từ thị, Khảo tự Tích Thiện Nguyễn thọ ông, mộ). Dòng lạc khoản bên trái đề tên con, cháu đứng lập bia.

Lệch về bên trái khu mộ, nằm về phía sau và cách ngôi mộ đơn khoảng 5m là nhà Hậu thổ. Nhà này có diện tích nhỏ, khoảng 0,4m<sup>2</sup> (0,58 x 0,7m), cao khoảng 0,7m.

Xung quanh xây tường kín, phía trước làm cửa cuốn vòm, tường sau khắc 2 chữ Hán lớn: Nguyên văn: 后土 (Phiên âm: Hậu thổ). Mái làm cách điệu hình bông hoa cánh nở ra xung quanh, nhụy nhô cao chính giữa.

Bước đầu tìm hiểu chúng tôi nhận thấy khu mộ là nguồn tư liệu thực địa có giá trị để tìm hiểu về quá trình nhập cư, định cư của người Hoa nói chung, người Minh Hương nói riêng ở Hội An trong lịch sử; góp phần minh chứng cho thời kỳ phát triển thịnh vượng của Đô thị - thương cảng quốc tế Hội An trong thế kỷ XVII, XVIII. Hơn nữa, những thông tin trên bia mộ cho biết một trong những chủ nhân ở khu mộ này từng làm nghề y, một nghề truyền thống rất phát triển ở Hội An trước đây. Tuy nhiên ngoài tư liệu thành văn thì tư liệu thực địa hiện còn lưu lại ở Hội An về lĩnh vực này là rất ít, do đó đây là tư liệu quý không chỉ để minh chứng mà còn để tiếp tục nghiên cứu làm rõ hơn về nghề y ở Hội An trước đây. Trong điều kiện nghề y đã và đang suy giảm thì di tích còn có ý

nghĩa bảo tồn, góp phần phát huy giá trị của nghề này trong thời gian đến. Về mặt kiến trúc nghệ thuật thì đây là một trong những công trình mộ táng khá tiêu biểu của thế kỷ XIX còn được gìn giữ ở Hội An, có sự hoàn chỉnh về bố cục, trang trí; góp phần tiếp tục nghiên cứu về loại hình di tích mộ táng ở Hội An nói chung. Thiết nghĩ giá trị di tích cần được tiếp tục nghiên cứu, làm rõ hơn; từ đó có được phương án quản lý, bảo tồn và phát huy phù hợp, hiệu quả nhất đối với khu mộ này

<http://hoianheritage.net>